

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định vận hành cầu nổi thuế tại Cục Thống kê

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 01/2021/QH15 và Luật số 138/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 384/QĐ-BTC ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 1892/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 và Quyết định số 2288/QĐ-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quy chế phối hợp số 2176a/QCPH-TCT-TCTK ngày 10 tháng 11 năm 2015 của Tổng cục Thuế và Tổng cục Thống kê quy định việc phối hợp công tác trao đổi thông tin giữa Tổng cục Thuế và Tổng cục Thống kê;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Chính sách, Chiến lược và Dữ liệu thống kê.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định vận hành cầu nổi thuế tại Cục Thống kê.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng ban Ban Chính sách, Chiến lược và Dữ liệu thống kê, Trưởng ban Ban Điều tra Thống kê, Trưởng ban Ban Thống kê Tổng hợp và Đối ngoại, Trưởng ban Ban Hệ thống Tài khoản quốc gia, Trưởng ban Ban Thống kê Công nghiệp xây dựng, Trưởng ban Ban Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Trưởng ban Ban Thống kê Dịch vụ và Giá, Trưởng ban Ban Thống kê Xã hội và Môi trường, Trưởng ban Ban Thống kê Dân số và Lao động, Giám đốc Trung tâm Xử lý và Tích hợp dữ liệu thống kê và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Cục Thống kê;
- Các đơn vị thuộc Cục;
- Lưu: VT, CSCL (5b).



Nguyễn Thị Hương

QUY ĐỊNH
VẬN HÀNH CẦU NỐI THUẾ TẠI CỤC THỐNG KÊ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 360 /QĐ-CTK
ngày 14 / 5 /2026 của Cục trưởng Cục Thống kê)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quyết định này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, phân công thực hiện cung cấp dữ liệu, tiếp nhận, xử lý dữ liệu trên cầu nối thuế tại Cục Thống kê.
- Quy định này áp dụng đối với các đơn vị, cá nhân thuộc Cục Thống kê có liên quan đến việc khai thác, vận hành và sử dụng dữ liệu từ cầu nối thuế.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Cầu nối thuế:** Hệ thống thông tin kết nối giữa Cục Thống kê và Cục Thuế để trao đổi thông tin, dữ liệu phục vụ công tác thống kê.
- Xử lý dữ liệu:** Là quá trình kiểm tra, bóc tách, làm sạch, chuẩn hóa, mã hóa và tích hợp dữ liệu phục vụ mục đích sử dụng.
- Nhật ký truyền tải dữ liệu:** Bản ghi lại thông tin về việc gửi, nhận, thời gian và nội dung dữ liệu truyền tải để phục vụ kiểm tra và truy vết.
- Các Ban chuyên ngành:** Gồm Ban Điều tra Thống kê (ĐTTK), Ban Thống kê Tổng hợp và Đối ngoại (THĐN), Ban Hệ thống Tài khoản quốc gia (TKQG), Ban Thống kê Công nghiệp và Xây dựng (CNXD), Ban Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản (NLTS), Ban Thống kê Dịch vụ và Giá (DVG), Ban Thống kê Dân số và Lao động (DSLĐ), Ban Thống kê Xã hội và Môi trường (XHMT).

Điều 3. Nguyên tắc chung

- Tuân thủ quy định của pháp luật về thống kê, bảo mật thông tin, an toàn dữ liệu và bảo vệ dữ liệu cá nhân.
- Đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của dữ liệu trao đổi.
- Chỉ sử dụng dữ liệu đúng mục đích phục vụ công tác thống kê nhà nước.
- Thực hiện phân quyền truy cập, kiểm soát và giám sát chặt chẽ.

Điều 4. Cung cấp dữ liệu thống kê cho Cục Thuế

1. Dữ liệu thống kê bao gồm

a) Dữ liệu thống kê tổng hợp: Là tình hình kinh tế - xã hội hằng tháng, quý, 6 tháng và cả năm được quy định tại Quy chế phối hợp số 2176a/QCPH-TCT-TCTK ngày 10 tháng 11 năm 2015 (Quy chế phối hợp số 2176a) và Biên bản thống nhất khi xây dựng hệ thống công nghệ thông tin để chia sẻ dữ liệu.

b) Báo cáo phân tích chuyên đề chuyên sâu: Báo cáo phân tích chuyên đề của các cuộc điều tra: Điều tra doanh nghiệp năm; Điều tra cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; Khảo sát mức sống dân cư.

c) Dữ liệu kết quả điều tra: Điều tra doanh nghiệp năm; Điều tra cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản; Khảo sát mức sống dân cư.

d) Dữ liệu các bảng danh mục: Các bảng danh mục do Cục Thống kê chủ trì xây dựng, cập nhật.

Dữ liệu thống kê cung cấp cho Cục Thuế được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

2. Trách nhiệm và thời gian cung cấp dữ liệu thống kê

a) Dữ liệu thống kê tổng hợp

- Trong vòng 01 ngày từ khi Cục Thống kê công bố, các Ban chuyên ngành cập nhật dữ liệu lên cầu nối thuế theo phân công tại Phụ lục;

- Sau khi dữ liệu được cập nhật, Ban Chính sách, Chiến lược và Dữ liệu thống kê (Ban CSCL) rà soát, phê duyệt thể thức biểu dữ liệu trong thời hạn 01 ngày;

- Sau khi biểu dữ liệu được phê duyệt thể thức, Ban THĐN rà soát, phê duyệt nội dung dữ liệu trong thời hạn 01 ngày;

- Sau khi dữ liệu được Ban THĐN phê duyệt nội dung, Ban CSCL thực hiện gửi dữ liệu.

b) Báo cáo phân tích chuyên đề chuyên sâu

- Trong vòng 01 ngày từ khi Cục Thống kê công bố, các Ban chuyên ngành cập nhật báo cáo lên cầu nối thuế theo phân công tại Phụ lục;

- Ban CSCL thực hiện gửi dữ liệu.

c) Dữ liệu kết quả điều tra: Ban CSCL thực hiện chia sẻ các CSDL được quy định tại khoản 1 điều này sau khi tiếp nhận từ Ban ĐTTK bảo đảm tuân thủ theo các quy định về quản lý dữ liệu.

d) Dữ liệu các bảng danh mục: Ban CSCL tổ chức thực hiện chia sẻ khi có thay đổi.

đ) Các dữ liệu khác: Ban CSCL chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan báo cáo Lãnh đạo Cục phê duyệt trước khi chia sẻ các loại dữ liệu khác chưa được quy định tại Quy chế.

Điều 5. Tiếp nhận và xử lý dữ liệu thuế

1. Dữ liệu tiếp nhận từ Cục Thuế bao gồm

- a) Dữ liệu đăng ký thuế: Bao gồm các thông tin chung về đối tượng nộp thuế.
- b) Dữ liệu tờ khai thuế: Thông tin về tờ khai thuế giá trị gia tăng.
- c) Dữ liệu báo cáo tài chính (BCTC): Thông tin về kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán, lưu chuyển tiền tệ.

2. Tiếp nhận dữ liệu thuế

a) Đối soát dữ liệu

Ban CSCL định kỳ đối soát dữ liệu đã nhận được với đầu mối cơ quan Thuế bảo đảm đầy đủ, thống nhất dữ liệu, cụ thể:

- Dữ liệu tờ khai tháng: Từ ngày 18 đến ngày 22 hằng tháng;
- Dữ liệu tờ khai quý: Từ ngày 25 tháng cuối quý đến ngày 09 tháng đầu quý;
- Dữ liệu BCTC: Trong tuần đầu các tháng: 4, 7, 10 hằng năm.

b) Thông báo cho các Ban chuyên ngành

Sau thời hạn đối soát dữ liệu, Ban CSCL thông báo cho các Ban chuyên ngành kết quả đối soát để thực hiện các bước tiếp theo.

3. Xử lý dữ liệu thuế

a) Dữ liệu tờ khai thuế giá trị gia tăng

- Thời gian thực hiện:

- + Dữ liệu tờ khai tháng: từ ngày 22 đến ngày 25 hằng tháng;
- + Dữ liệu tờ khai quý: từ ngày 10 tháng đầu quý đến ngày 15 tháng đầu quý;

- Nhiệm vụ xử lý dữ liệu:

+ Trung tâm Xử lý và Tích hợp dữ liệu thống kê (TTXL) chuyển đổi cấu trúc dữ liệu theo cấu trúc dữ liệu điều tra; tích hợp dữ liệu tờ khai của tất cả chỉ tiêu với dữ liệu nền điều tra doanh nghiệp hằng năm (gồm: Mã số thuế, tên doanh nghiệp, mã ngành, tên ngành kinh tế, mã tỉnh, mã xã).

+ Ban CSCL tổng hợp dữ liệu tờ khai chỉ tiêu doanh thu (mã chỉ tiêu 29) theo ngành kinh tế cấp 2 và theo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của 2 loại dữ liệu: (i) dữ liệu cùng phạm vi (của các doanh nghiệp cùng có tờ khai trong các kỳ báo cáo); (ii) dữ liệu của tất cả tờ khai trong kỳ.

+ Sau khi xử lý dữ liệu, TTXL, Ban CSCL phân quyền và thông báo tới các Ban chuyên ngành (người được giao nhiệm vụ) để làm sạch, khai thác sử dụng.

b) Dữ liệu BCTC

- Thời gian thực hiện: Trong tuần đầu các tháng: 4, 7, 10 hằng năm.
- Nhiệm vụ xử lý dữ liệu: TTXL chuyển đổi cấu trúc dữ liệu theo cấu trúc dữ liệu điều tra; tích hợp dữ liệu BCTC với dữ liệu điều tra doanh nghiệp hằng năm; phân quyền cho các đơn vị sử dụng theo phương án xử lý kết quả điều tra doanh nghiệp hằng năm.

4. Rà soát, làm sạch dữ liệu thuế

a) Dữ liệu tờ khai thuế giá trị gia tăng

- Sau khi nhận được dữ liệu tổng hợp và dữ liệu vi mô, các Ban chuyên ngành thực hiện rà soát, làm sạch dữ liệu theo các ngành kinh tế được phân công phụ trách trong vòng 2 ngày gửi phản hồi chất lượng dữ liệu về Ban CSCL tổng hợp;
- Ban CSCL tổng hợp ý kiến gửi Cục Thuế xác minh, làm rõ và thông báo kết quả tới các Ban chuyên ngành, thực hiện tổng hợp chỉ tiêu doanh thu (mã chỉ tiêu 29) theo ngành kinh tế cấp 2 và theo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Ban chuyên ngành gửi số liệu tổng hợp cuối cùng về Ban CSCL để theo dõi thống nhất.

b) Dữ liệu BCTC

- Ban ĐTTK phân quyền cho các đơn vị rà soát, đối chiếu BCTC với kết quả điều tra doanh nghiệp để làm sạch dữ liệu;
- Các Ban chuyên ngành thực hiện rà soát, làm sạch dữ liệu được phân công theo phương án điều tra doanh nghiệp hằng năm.

Điều 6. Trách nhiệm thực hiện

1. Ban Chính sách, Chiến lược và Dữ liệu thống kê

- a) Là đơn vị đầu mối, quản lý, giám sát hoạt động của cầu nối thuế.
- b) Thực hiện xử lý dữ liệu thuế, tiếp nhận dữ liệu, bóc tách và làm sạch dữ liệu thuế theo quy định.
- c) Kịp thời trao đổi với đầu mối Cục Thuế khi dữ liệu tiếp nhận có sai sót hoặc thiếu thông tin.

d) Trình Lãnh Cục đạo phê duyệt yêu cầu sử dụng dữ liệu chưa quy định tại Quy chế này, nâng cấp, mở rộng cầu nối thuế bảo đảm dữ liệu toàn vẹn, kịp thời.

2. Trung tâm Xử lý và Tích hợp dữ liệu thống kê

- a) Vận hành, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, bảo mật và bảo trì cầu nối thuế.
- b) Thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống, đảm bảo hoạt động liên tục và an toàn.
- c) Các sự cố phát sinh phải được ghi nhận, xử lý kịp thời và báo cáo Lãnh đạo Cục nếu cần thiết.

d) Kịp thời đề xuất, phối hợp với Ban CSCL nâng cấp hạ tầng của cầu nổi thuế bảo đảm thông suốt và bảo mật.

3. Ban Kế hoạch tài chính

a) Phối hợp với các đơn vị trong việc lập dự toán kinh phí nâng cấp hệ thống, mở rộng cầu nổi thuế. Kinh phí thực hiện nâng cấp, mở rộng cầu nổi thuế được cân đối trong phạm vi ngân sách được giao cho Cục Thống kê (nếu có);

b) Hướng dẫn các đơn vị sử dụng kinh phí xử lý dữ liệu hành chính phục vụ công tác thống kê (nếu có).

4. Các Ban chuyên ngành

Có trách nhiệm cập nhật dữ liệu của Cục Thống kê lên cầu nổi thuế, cung cấp dữ liệu thống kê được phân công theo danh mục tại Phụ lục kèm theo.

Rà soát, làm sạch dữ liệu nhận từ Cục Thuế theo chuyên ngành được phân công và kịp thời phản ánh chất lượng dữ liệu về Ban CSCL để tổng hợp.

Khai thác và sử dụng dữ liệu thuế phục vụ công tác thống kê hiệu quả.

5. Ban Thống kê Tổng hợp và Đối ngoại

Có trách nhiệm rà soát, phê duyệt nội dung dữ liệu của Cục Thống kê do các Ban chuyên ngành đưa lên cầu nổi thuế.

Phụ lục
DANH MỤC DỮ LIỆU THỐNG KÊ TỔNG HỢP CHIA SẺ TRÊN CẦU NÓI THUẾ THEO BIÊN BẢN THỐNG NHẤT KHI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐỂ CHIA SẺ DỮ LIỆU
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CTK ngày tháng năm 2026)

STT	Tên chỉ tiêu	Phân tổ chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
I	KỲ DỮ LIỆU CUNG CẤP THEO THÁNG			
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp	Ngành kinh tế, tỉnh/thành phố	Ban CNXD	
2	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu	Loại sản phẩm	Ban CNXD	
3	Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý	Trung ương/địa phương (tỉnh/thành phố)	Ban CNXD	
4	Tổng mức bán lẻ hàng hoá	Tỉnh/thành phố, nhóm hàng chủ yếu	Ban DVG	
5	Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Tỉnh/Thành phố	Ban DVG	
6	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu	Nhóm sản phẩm, tổng sản lượng, tổng giá trị	Ban DVG	
7	Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu	Nhóm sản phẩm, tổng sản lượng, tổng giá trị	Ban DVG	
II	KỲ DỮ LIỆU CUNG CẤP THEO QUÝ			
1	Tổng sản phẩm trong nước (GDP) (giá hiện hành và giá so sánh)	Ngành kinh tế	Ban TKQG	
2	Chỉ số tiêu thụ	Ngành kinh tế	Ban CNXD	
3	Chỉ số tồn kho	Ngành kinh tế	Ban CNXD	
4	Vốn và cơ cấu vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội	Nguồn vốn, ngành kinh tế, loại hình kinh tế, tỉnh/thành phố	Ban CNXD	
5	Giá trị xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ	Loại dịch vụ	Ban DVG	

STT	Tên chỉ tiêu	Phân tổ chủ yếu	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
III	KỲ DỮ LIỆU CUNG CẤP THEO NĂM			
1	Tổng sản phẩm trong nước (GDP) (giá hiện hành và giá so sánh)	Ngành kinh tế	Ban TKQG	
2	Sản lượng nông lâm thủy sản	Khai thác/nuôi trồng, loại thủy sản, tỉnh/thành phố	Ban NLTS	